

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

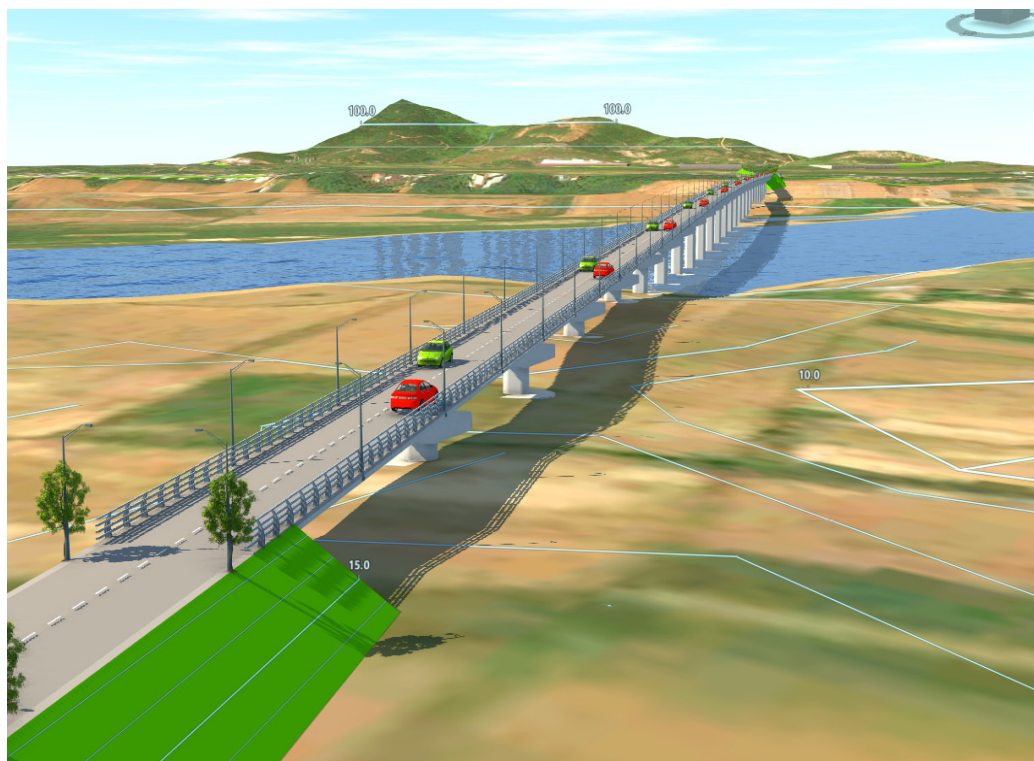
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

\*\*\*\*\*

# BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

DỰ ÁN: CẦU AN BÌNH VÀ ĐƯỜNG NỐI TỪ ĐT609C ĐI QL.14B

ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN ĐẠI LỘC, TỈNH QUẢNG NAM





*Tháng .... năm 2021*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC

-----☸☸☸☸-----

# BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

DỰ ÁN: CẦU AN BÌNH VÀ ĐƯỜNG NỐI TỪ ĐT609C ĐI QL.14B  
ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN ĐẠI LỘC, TỈNH QUẢNG NAM

	Quảng Nam, ngày tháng 04 năm 2021
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH QUẢNG NAM	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN & XÂY DỰNG BÁCH KHOA
<p>KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC</p>  <p>Phan Ngọc Thanh</p>	<p>GIÁM ĐỐC</p>  <p>Phan Quang Thông</p>

*Quảng Nam, ngày ... tháng 04 năm 2021*

**BÁO CÁO**  
**Đề xuất chủ trương đầu tư dự án**  
**Cầu An Bình và đường nối từ ĐT609C đi QL.14B.**

Kính gửi:

- Sở Giao thông Vận tải tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-BXD, ngày 20/01/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 90/QĐ-UBND, ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam. Về việc giao nhiệm vụ đơn vị chủ trì lập, trình thẩm định phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2021 nguồn ngân sách nhà nước và điều chỉnh tên dự án đã được UBND tỉnh giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3206/QĐ-UBND ngày 17/11/2020;

Căn cứ Thông báo số 101/TB-UBND ngày 29/3/2021, theo đó, có nội dung tách dự án Đường nối Quốc lộ 14H đi Quốc lộ 14B và Cầu Phú Thuận thành 02 dự án riêng (dự án Đường nối Quốc lộ 14H đến đường ĐT.609C, trong đó có cầu Phú Thuận và dự án Đường nối từ ĐT.609C đến Quốc lộ 14B, trong đó có cầu An Bình)

Công ty Cổ phần tư vấn và Xây dựng Bách Khoa trình Sở Giao thông vận tải báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Cầu An Bình và đường nối từ ĐT609C đi QL.14B với các nội dung chính sau:

## **A. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN.**

1. Tên dự án: Cầu An Bình và đường nối từ ĐT609C đi QL.14B.
2. Dự án: Nhóm B.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam.
4. Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Quảng Nam.
5. Địa điểm thực hiện dự án: huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.
6. Dự kiến tổng mức đầu tư: 550 tỷ đồng (*Năm trăm năm mươi tỷ đồng*).  
Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.
7. Thời gian thực hiện: Năm 2021-2024.

## **B. NỘI DUNG BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ:**

### **1. GIỚI THIỆU CHUNG (TỔNG QUAN KHU VỰC NGHIÊN CỨU)**

#### **1.1. Vị trí địa lý:**

- Huyện Đại Lộc được thành lập năm 1899, nằm ở phía Bắc của tỉnh Quảng Nam. Ranh giới hành chính: phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng, phía Đông giáp huyện Điện Bàn, phía Đông Nam giáp huyện Duy Xuyên, phía Nam giáp huyện Quế Sơn, phía Tây Nam giáp huyện Nam Giang, phía Tây Bắc giáp huyện Đông Giang. Đất đai ở Đại Lộc bao gồm các loại đất cát, đất phù sa, đất xám bạc màu, đất đỏ vàng. Sông Vu Gia là sông chính, chảy ngang qua huyện theo hướng Tây – Đông.

- Diện tích **587,04km<sup>2</sup>**; dân số **164.931** người; mật độ 281 người/1Km<sup>2</sup>.

- Huyện Đại Lộc có 18 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 1 thị trấn và 17 xã: Đại Đồng; Đại Hiệp; Đại Nghĩa; Đại An; Đại Quang; Đại Lãnh; Đại Hưng; Đại Minh; Đại Cường; Đại Thạnh; Đại Thắng; Đại Phong; Đại Hồng; Đại Hòa; Đại Chánh; Đại Tân; Đại Sơn; Thị trấn Ái Nghĩa.

- Tuyến đi qua 2 địa phương là xã Đại Minh và xã Đại Quang

+ Xã Đại Minh với diện tích khoảng 775ha. Đông giáp với Đại Cường; Tây giáp với xã Đại Phong; Nam giáp với xã Đại Thắng và Đại Tân; Bắc giáp xã Đại Nghĩa và Đại Minh. Dân số đến năm 2020 là 9.875 người.

+ Xã Đại Quang có diện tích tự nhiên 37.33Km<sup>2</sup>. Đông giáp xã Đại Nghĩa; Bắc giáp dãy núi Sơn Gà và thành phố Đà Nẵng; Nam giáp xã Đại Phong và xã Đại Minh; Tây giáp xã Đại Hồng.

#### **1.2. Khí hậu, thủy văn:**

Khí hậu Đại Lộc là khí hậu nhiệt đới gió mùa có nền nhiệt độ cao trong năm ít biến đổi, trung bình 25,9<sup>0</sup> C. Độ ẩm trung bình: 82,3%. Lượng mưa bình quân năm 2000-2500mm, tập trung các tháng 9,10,11. Với địa hình cao ở phía Tây-Tây Bắc, thấp dần về phía Đông, có hai con sông lớn là Vu Gia và Thu Bồn với lưu lượng nước lớn bao bọc nên mưa đầu và giữa mùa đông ở Đại Lộc thường gây lụt lội ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và sản xuất vùng hạ lưu.

### **1.3. Điều kiện kinh tế - xã hội:**

Trước đây Đại Lộc là huyện thuần nông, nay đã xuất hiện một số cụm công nghiệp nhỏ và vừa tại các vùng địa hình cao (không bị ngập lụt), chủ yếu là các nhà máy xay xát đá, vật liệu phục vụ nhu cầu xây dựng, hay các xí nghiệp may mặc, cơ khí, chế biến thủy sản phục vụ xuất khẩu, công nghiệp nhẹ... Vì nơi đây có nguồn lao động phổ thông dồi dào, giá thành rẻ và cầu thị.

Người dân Đại Lộc đa phần sinh sống bằng các nghề trồng lúa nước, cây công nghiệp ngắn ngày, cây hoa màu, trồng dâu nuôi tằm, trồng bông dệt vải, đan lát, làm nhang, thợ hồ, chế tác đá, đi rừng, tìm trầm, kỳ nam, khai thác dầu rái, buôn bán trao đổi. Nổi tiếng nhất huyện là thôn Bàu Tròn - xã Đại An, nơi đây là vùng chuyên sản xuất các loại rau như các loại rau cải, đậu tây, đậu đũa (đậu que), bí đao, khổ qua, dưa leo (dưa chuột), đu đủ, dưa hấu, bí đỏ, ớt... Cung ứng cho nhân dân trong vùng và TP.Đà Nẵng. Thôn Bàu Tròn là địa phận giáp ranh giữa xã Đại An và xã Đại Cường (ngăn cách bởi chiếc cầu Quảng Huế bắc qua sông Vu Gia thơ mộng). Món ăn đặc thù là Mỳ Quảng, Bánh tráng cuốn thịt heo luộc, hoặc Bánh tráng cuốn cá nục trứng, bê thui...

Đại Lộc ngày nay có nền kinh tế đang trên đà phát triển, người dân thuần nông cây lúa ngày nào đã chuyển đổi con giống, cây trồng làm nền tảng để phát triển kinh tế, bên cạnh của việc chuyển đổi này là việc áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật. Thông tin gì mới, đều góp cho chính quyền và nhân dân Đại Lộc áp dụng sản xuất có năng suất cao hơn trước.

Cụ thể như một số thôn của xã Đại An làm cây rau, Đại Hòa làm cây chuối (chuối già hương), mô hình vườn ao chuồng. Cây chuối phát triển thì các con vật nuôi cũng phát triển, hiện nay thôn Lộc Bình là thôn có số hộ chuyên canh cây chuối 100%.

Đại Lộc hiện còn tiềm ẩn một nghề tay trái của các lão nông nhân rồi, đó là nghề trồng hoa và cây cảnh, nguồn cây mai (nổi tiếng trong và ngoài nước), ở Đại Hoà, Ái Nghĩa có nhiều cây thế trồng lâu năm.

Đại Lộc có làng nghề làm trống Lâm Yên từng rất nổi tiếng (tại thôn Ấp Nam, xã Đại Minh) sản phẩm trống của làng đã có mặt nhiều nơi trên cả nước. Tuy nhiên, đến thời điểm này thì nghề trống đã mai một và sắp biến mất do bế tắc không có lối thoát.

Ái Nghĩa có những làng nghề đặc sắc như làng mai Ái Mĩ, nghề đan lờ truyền thống ở làng Giáo Trung (thuộc khu Trung An)...Ái Nghĩa có những cánh đồng chuyên sản xuất lúa giống, đem khá nhiều lợi ích cho bà con nông dân...Ái Nghĩa hiện nay đang phát triển từng ngày, tuy là thị trấn của một huyện thuần nông xong trong tương lai Ái Nghĩa sẽ là một đô thị của một huyện công nghiệp.

## **II. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ, CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ, ĐÁNH GIÁ VỀ SỰ PHÙ HỢP VỚI QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ.**

## **1. Sự cần thiết phải đầu tư:**

Huyện Đại Lộc nằm ở phía Bắc của tỉnh Quảng Nam, bao gồm có 17 xã và 01 thị trấn (trong đó có 9 xã miền núi) diện tích tự nhiên 587,04km<sup>2</sup>, dân số 164.931 người. Với địa hình phức tạp, bị chia cắt bởi hai dòng sông lớn Vu Gia và Thu Bồn nên việc phát triển hạ tầng giao thông còn gặp nhiều khó khăn, nhất là hệ thống hạ tầng thiếu đồng bộ, không đảm bảo việc kết nối giao thông giữa các vùng trên địa bàn huyện, ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội và giao thông đi lại của nhân dân.

Hiện trạng trên hai dòng sông Thu Bồn, Vu Gia đoạn qua địa phận huyện Đại Lộc còn tồn tại các bến đò kết nối vùng B huyện Đại Lộc và vùng Tây Bắc thuộc huyện Duy Xuyên, Nông Sơn như: Trung Phước, Tịnh Yên, Bến Dầu, Phú Thuận, Mỹ An, Thuận Mỹ các Bến đò tự phát này là phương tiện giao thông qua lại chủ yếu phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân.

Hệ thống giao thông cầu đường còn thiếu và chưa đồng bộ nên trong quá trình sản xuất và sinh hoạt, người dân thường xuyên qua lại trên sông bằng ghe, xuồng nên hàng năm dẫn đến nhiều rủi ro tai nạn giao thông đường thủy khó lường tang thương nhất là vụ chìm xuồng trên sông Vu Gia tại thôn Khương Mỹ, xã Đại Cường vào ngày 25/02/2020 làm 6 người chết.

Từ thực tế nêu trên việc đầu tư hệ thống cầu đường bộ trên các tuyến sông Vu Gia và Thu Bồn là hết sức cần thiết, cấp bách. Trên sông Thu Bồn tương lai Cầu Phú Thuận sẽ kết nối vùng B huyện Đại Lộc với vùng Tây Bắc thuộc huyện Duy Xuyên, Nông Sơn. Còn trên sông Vu Gia hiện chỉ có cầu Quảng Huế và Cầu Hà Nha, tuy nhiên khoảng cách giữa hai cầu này quá xa nhau gây chia cắt nên người dân phải thường xuyên qua lại bằng ghe, xuồng tại các bến đò ngang tự phát từ đó đã xảy ra nhiều vụ tai nạn như trên, vì vậy khi được đầu tư Cầu An Bình sẽ kết nối giao thông các xã vùng B của huyện Đại Lộc (Đại Cường, Đại Minh, Đại Phong, Đại Thắng, Đại Thạnh, Đại Tân, Đại Chánh) với các xã Đại Nghĩa, Đại Quang, Đại Đồng và QL14B và hình thành nên tuyến giao thông huyết mạch nằm giữa cầu Quảng Huế và cầu Hà Nha nhằm giải quyết nhu cầu cấp thiết về giao thông đi lại, sản xuất của nhân dân. Từng bước xóa bỏ các bến đò ngang hoàn thiện quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ về giao thông.

Mặt khác, theo Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 cầu An Bình cùng với cầu Phú Thuận được đầu tư nằm trên tuyến BN1 là tuyến kết nối theo hướng Bắc - Nam ở vùng trung du kết nối các huyện Tiên Phước, Hiệp Đức, Quế Sơn, Nông Sơn, Duy Xuyên, Đại Lộc và Đông Giang trên cơ sở nâng cấp các tuyến đường hiện hữu ĐT614, ĐT611B, ĐT611, ĐT610, ĐT609, ĐT609C và Quốc lộ 14B, kết nối QL14H với QL14B tạo điều kiện thuận lợi góp phần mở rộng và tăng cường khả năng liên kết phát triển vùng động lực thu hút đầu tư thúc đẩy phát triển.

Do đó việc đầu tư xây dựng Cầu An Bình và đường nối từ ĐT609C đi QL.14B là hết sức cần thiết và cấp bách.

## **2. Các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:**

Căn cứ vào số liệu thống kê tình hình phát triển kinh tế, xã hội; nhu cầu về đi lại và vận chuyển hàng hóa của người dân địa phương và các vùng lân cận. Các văn bản chỉ đạo liên quan.

### **III. MỤC TIÊU, QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHẠM VI ĐẦU TƯ**

#### **1. Mục tiêu đầu tư:**

Việc đầu tư tuyến Cầu An Bình và đường nối từ ĐT609C đi QL.14B là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông đi lại, phục vụ sản xuất của nhân dân, từng bước xóa bỏ các bến đò ngang, giảm thiểu tai nạn giao thông đường thủy, hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ theo Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 22/01/2018.

#### **2. Các phương án đầu tư:**

- Điểm đầu tại ngã tư Đại Minh giao với đường ĐT609C tại Km6+750/ĐT609C. Tuyến đi theo đường BTXM hiện trạng khoảng 1Km sau đó vượt sông Vu Gia giao với ĐT609 tại Km22+350, điểm cuối giao với QL14B tại Km42+410. Tổng chiều dài tuyến L=4.200m. đã bao gồm chiều dài cầu An Bình khoảng L=1.200m), quy mô đầu tư như sau:

+ Đoạn 1 từ Km0+00 (ngã tư Đại Minh giao với đường ĐT609C tại Km6+750/ĐT609C)-:-Km1+00 đoạn này tận dụng mặt đường bê tông xi măng hiện trạng nâng cấp, mở rộng lên đường cấp IV đồng bằng.

+ Đoạn 2 từ Km1+00-:-Km4+200. Chiều dài L=3.200m, đoạn này tuyến đi mới hoàn toàn, trong đó có cầu An Bình L=1.200m, cầu tại Km3+650 chiều dài khoảng L=24m, chiều dài đường L=1.976m.

#### **2. Quy mô đầu tư:**

##### **2.1. Đường giao thông.**

- Điểm đầu tại ngã tư Đại Minh giao với đường ĐT609C tại Km6+750/ĐT609C.

- Điểm cuối giao với QL14B tại Km42+410.

- Tổng chiều dài tuyến L=4.200m. (đã bao gồm chiều dài cầu An Bình khoảng L=1.200m và cầu tại Km3+650 chiều dài khoảng L=24m)

- Cấp kỹ thuật: Đường cấp IV đồng bằng theo TCVN 4054-2005;

- Tốc độ thiết kế: 60 Km/h;

- Dốc dọc lớn nhất: 6%;

- Bề rộng mặt đường :  $B_{md} = 7,0m$ ;

- Bề rộng lề đường gia cố :  $B_{ldgc} = 2 \times 0,5m = 1,0m$ ;

- Bề rộng lề đường không gia cố :  $B_{ldkgc} = 2 \times 0,5m = 1,0m$ ;

- Bề rộng nền đường :  $B_{nd} = 9,00m$ ;
- Kết cấu áo đường : BT xi măng hoặc BT nhựa;
- Tải trọng thiết kế:
  - + Kết cấu áo đường : Trục 10T hoặc 100kN;
  - + Công trình công : H30-XB80;
  - + Tính Cầu : HL93
- Khổ công: Bằng khổ nền đường;
- Quy mô công trình: vĩnh cửu;
- Nút giao thông: Dạng nút giao cùng mức;

## **2.2. Cầu trên tuyến: (Cầu An Bình & cầu tại Km3+650)**

- Xây dựng cầu An Bình dài khoảng 1.200m (Chiều dài cầu sẽ được nghiên cứu, xác định cụ thể ở bước nghiên cứu khả thi).
- Xây dựng cầu tại Km3+650 dài khoảng 24m (Chiều dài cầu sẽ được nghiên cứu, xác định cụ thể ở bước nghiên cứu khả thi).
- Quy mô công trình: Vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT dự ứng lực;
- Tải trọng thiết kế: Hoạt tải xe HL93 (tiêu chuẩn TCVN 11823-3:2017);
- Tần suất thiết kế: Cầu nhỏ 4%; cầu trung và cầu lớn 1%.
- Bề rộng cầu:  $B=9,0m=0,50m(\text{gờ lan can})+8,0m(\text{mặt})+0,50m(\text{gờ lan can})$
- Kết cấu: Cầu dầm BTCT dự ứng lực, mố trụ bằng bê tông cốt thép
- Kết cấu móng mố cọc khoan nhồi tùy thuộc vào tình hình địa chất thực tế sẽ được nghiên cứu và đề xuất cụ thể tại bước nghiên cứu khả thi;
- Điện chiếu sáng trên cầu bố trí 2 bên kiểu so le khoảng cách trung bình 30m/cột.

## **3. Địa điểm xây dựng:**

- Huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

## **4. Phạm vi đầu tư:**

- Điểm đầu tại nút Km6+750/ĐT609C. Điểm cuối giao với QL14B tại Km42+410. Tổng chiều dài tuyến  $L=4.200m$ .

## **IV. DỰ KIẾN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ, CƠ CẤU NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ, KHẢ NĂNG CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ VIỆC HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN VỐN, NGUỒN LỰC KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN:**

### **1. Dự kiến tổng mức đầu tư: 550.000.000.000 đồng.**

*(Bằng chữ: Năm trăm năm mươi tỷ đồng).*

Trong đó:



Stt	Hạng mục chi phí		Thành tiền	Đơn vị
1	Chi phí xây dựng	:	438.826.601.000	đồng
2	Chi phí quản lý dự án	:	5.572.275.000	đồng
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng.	:	15.829.257.000	đồng
4	Chi phí khác	:	5.004.002.000	đồng
5	Chi phí dự phòng.	:	33.031.482.000	đồng
6	Chi phí đền bù, GPMB	:	51.381.216.000	đồng
	<b>Tổng cộng</b>	:	<b>550.000.000.000</b>	đồng

**2. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án :**

Vốn Trung ương hỗ trợ: 550.000.000.000 đồng

**V. DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐẦU TƯ PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC THEO THỨ TỰ ƯU TIÊN HỢP LÝ BẢO ĐẢM ĐẦU TƯ TẬP TRUNG, CÓ HIỆU QUẢ**

**1. Công tác chuẩn bị đầu tư:** Năm 2021.

**2. Xây dựng công trình:** Năm 2021 – 2024.

**VI. XÁC ĐỊNH SƠ BỘ CHI PHÍ LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ CHI PHÍ VẬN HÀNH DỰ ÁN SAU KHI HOÀN THÀNH**

*(Kèm theo bảng khái toán tổng mức)*

**VII. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI; XÁC ĐỊNH SƠ BỘ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ VỀ KINH TẾ XÃ HỘI**

**1. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động môi trường, xã hội:**

Khu vực xây dựng dự án chủ yếu là đất bãi sông, đất vườn, và đất trồng cây hằng năm hai bên, nên việc tác động đến môi trường, xã hội không ảnh hưởng đến dân sinh, cũng như các hoạt động khác. Đây là dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, phục vụ nhu cầu dân sinh. Do vậy, khi hoàn thành nó sẽ góp phần tích cực đến đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội.

**1.1. Phạm vi và hệ thống quy trình, quy phạm áp dụng:**

- Phạm vi: Những khu vực chịu tác động trực tiếp của công trình (cầu, đường đầu cầu) và các vùng chịu tác động gián tiếp.

- Quy trình đánh giá tác động môi trường khi lập dự án khả thi và thiết kế xây dựng các công trình giao thông theo tiêu chuẩn 22TCN 242-98 của Bộ Giao thông vận tải.

**1.2. Dự báo những tác động môi trường, đề xuất biện pháp giảm thiểu:**

- Biện pháp giảm thiểu được đề xuất có thể ngăn ngừa hoặc giảm nhẹ tác động tới mức có thể chấp nhận được.

- Đề xuất biện pháp giảm thiểu: Giải pháp kỹ thuật xây dựng và thực hiện

các biện pháp sẽ được thực hiện theo trình tự từ dễ đến khó, bao gồm 5 bước sau:

+ Ngăn ngừa các tác động: Không tiến hành bất cứ một hoạt động nào hoặc không tiến hành một phần của phần việc của hoạt động gây tác động.

+ Giám nhẹ: Giới hạn mức độ hoặc quy mô của hành động và quá trình xuất hiện hành động đó.

+ Điều chỉnh: Điều chỉnh các tác động thông qua việc sửa chữa hoặc phục hồi môi trường bị ảnh hưởng.

+ Bảo vệ và duy tu: Giảm hoặc loại bỏ tác động theo thời gian thông qua việc bảo tồn hoặc duy tu trong thời gian hoạt động của một hành động.

+ Đền bù: Bù đắp lại những mất mát do bị tác động bằng cách thay thế hoặc cung cấp các nguồn tài nguyên, nhân lực hoặc tạo ra môi trường thay thế.

- Dự báo những tác động đối với môi trường tự nhiên và đề xuất biện pháp giảm thiểu:

\* Dự báo những tác động đối với môi trường tự nhiên:

+ Tác động tới chất lượng môi trường không khí trong quá trình thi công và khai thác.

+ Tiếng ồn trong quá trình thi công và khai thác.

\* Biện pháp giảm thiểu:

+ Giảm thiểu bụi phát sinh do vận chuyển vật liệu thi công, xử lý chất thải rắn không được đốt ngoài trời, các biện pháp sẽ được áp dụng để giảm thiểu tác động, thậm chí ngừng thi công cho đến khi điều kiện thích hợp được thiết lập. Giảm thiểu ô nhiễm không khí từ phát thải của dòng xe trong giai đoạn khai thác. Nhìn chung, mức độ cũng như phạm vi ảnh hưởng của tiếng ồn trong thi công không ảnh hưởng đến khu vực dân cư sinh sống.

+ Phương án tuyển khảo sát thiết kế chọn phương án không có di dân, tái định cư, hạn chế ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt cũng như các hoạt động của dân cư trong vùng dự án.

## **2. Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:**

### **2.1. Phân tích sơ bộ tính khả thi của dự án:**

- Việc đầu tư hoàn thiện tuyến đường nhằm phục vụ nhu cầu đi lại và hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông, phục vụ nhu cầu đi lại, tăng cường kết nối và giao thương hàng hóa, đáp ứng được các yêu cầu cơ bản phục vụ phát triển sản xuất và cải thiện đời sống của nhân dân địa phương và các vùng lân cận. Đặc biệt khi tuyến đường hoàn thành sẽ xóa bỏ các bến đò ngang gây mất an toàn giao thông.

- Đời sống của nhân dân trong vùng dự án hiện nay vẫn còn rất khó khăn, đường giao thông đi lại hạn chế vì bị sông lớn chia cắt. Việc xây dựng công trình Cầu An Bình và đường nối từ ĐT609C đi QL.14B là hết sức cần thiết và cấp bách nhằm phục vụ nhu cầu đi lại thiết thực của người dân khu vực và sự cần thiết cho liên kết vùng.

## 2.2. Phân tích sơ bộ hiệu quả dự án:

- Phục vụ vận tải, lưu thông hàng hóa, phát triển du lịch, kinh tế - xã hội, tăng cường an ninh - quốc phòng tại những khu vực mà tuyến đường đi qua;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong vùng tăng cường lao động sản xuất, nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững và hướng đến làm giàu trên quê hương.

- Hoàn thiện và phát triển cơ sở hạ tầng giao thông theo quy hoạch đã định.

- Phục vụ công tác quốc phòng - an ninh, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trong điều kiện khẩn cấp hoặc khi có lũ lụt, mưa bão.

- Gắn phát triển với bảo vệ môi trường cảnh quan, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu đối với môi trường sống của con người.

## VIII. PHÂN CHIA DỰ ÁN THÀNH PHẦN:

Không phân chia dự án thành phần.

## IX. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. **Chủ đầu tư:** Do UBND tỉnh xem xét quyết định.

2. **Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

3. **Nguồn vốn chuẩn bị đầu tư:** Vốn ngân sách tỉnh.

4. **Thời gian thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư:** Năm 2021.

## X. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Trên đây là nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: **Cầu An Bình và đường nối ĐT609C đi QL.14B**. Công ty Cổ phần tư vấn và Xây dựng Bách Khoa kính đề nghị Sở Giao thông vận tải trình Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng thẩm định quan tâm, xem xét, thẩm định và báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư để dự án sớm được triển khai thực hiện.

### *Nơi nhận:*

- Sở GTVT tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: VT.

## BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Công trình: Cầu An Bình và đường nối từ ĐT609C đi QL14B

Địa điểm: Huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG			KÝ HIỆU
		TRƯỚC THUẾ	VAT	SAU THUẾ	
1	Chi phí xây dựng	398.933.273.000	39.893.328.000	438.826.601.000	Gxd
2	Chi phí quản lý dự án đầu tư	5.572.275.000	0	5.572.275.000	Gqlđa
3	Chi phí tư vấn đầu tư	14.390.234.000	1.439.023.000	15.829.257.000	Gtv
4	Chi phí khác	4.598.253.000	405.749.000	5.004.002.000	Gk
5	Chi phí dự phòng	30.068.077.000	2.963.405.000	33.031.482.000	Gdp
6	Chi phí giải phóng mặt bằng	51.381.216.000	0	51.381.216.000	Ggpmb
7	<b>TỔNG MỨC ĐẦU TƯ</b>	<b>505.000.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>550.000.000.000</b>	<b>G</b>

## BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ KIẾN

Công trình: Cầu An Bình và đường nối từ ĐT609C đi QL14B

Địa điểm: Huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam

TT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Diễn giải cách tính	Thành tiền (Đồng)			
				Trước thuế	Thuế VAT	Sau thuế	
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>Gxd</b>	<b>G1+...+G2</b>		<b>398.933.273.000</b>	<b>39.893.328.000</b>	<b>438.826.601.000</b>
1	*Đoạn 1 từ Km0+00-Km1+00. Tận dụng mặt đường BTXM hiện trạng nâng cấp, mở rộng đạt cấp IV đồng bằng. VD.(14120.23/QĐ số: 65/OĐ-BXD)	G1	=15.435.000.000đ/Km/2*1Km		7.015.909.091	701.591.000	7.717.500.000
2	*Đoạn 2 từ Km1+00-Km4+200. L=3.200m, tuyến đi mới hoàn toàn, trong đó có cầu An Bình L=1.200m, cầu vượt đường ĐT609 L=24m. chiều dài đường L=1.967m	G2	G2.1+...+G2.3		391.917.364.000	39.191.737.000	431.109.101.000
2.1	*Cầu An Bình L=1200m (14310.09/QĐ số: 65/QĐ-BXD)	G2.1	=(32.740.000*1,12)đ/m2*1200m*9m		360.020.945.455	36.002.095.000	396.023.040.000
2.2	*Cầu Km3+650; L=24m (14310.09/QĐ số: 65/QĐ-BXD)	G2.2	=(32.740.000*1,12)đ/m2*24m*9m		7.200.418.909	720.042.000	7.920.461.000
2.3	*Nền & Mặt đường cấp IV đồng bằng, (14120.23/QĐ số: 65/QĐ-BXD)	G2.3	=15.435.000.000đ*(3,2-1,2-0,24)Km		24.696.000.000	2.469.600.000	27.165.600.000
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>Gqlda</b>	<b>Gxd x</b>	<b>1,40%</b>	<b>5.572.275.000</b>		<b>5.572.275.000</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn ĐTXD</b>	<b>Gtv</b>	<b>Tv2+...+Tv14</b>		<b>14.390.234.000</b>	<b>1.439.023.000</b>	<b>15.829.257.000</b>
1	Chi phí lập Chủ trương đầu tư	Tv1	Gxd x 30%	0,083%	99.890.773	9.989.000	109.879.773
2	Chi phí khảo sát lập BCNCKT	Tv2	Tính riêng		808.413.000	80.841.000	889.254.000
3	Chi phí lập BCNCKT	Tv3	Gxd x	0,226%	901.224.006	90.122.000	991.346.006
4	Chi phí khảo sát thiết kế BVTC	Tv4	Tính riêng		1.359.091.000	135.909.000	1.495.000.000
5	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	Tv5	Gxd x	1,040%	4.150.182.698	415.018.000	4.565.200.698
6	Chi phí cắm cọc GPMB	Tv6	Tính riêng		458.182.000	45.818.000	504.000.000
7	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	Tv7	Gxd x	0,061%	243.604.628	24.360.000	267.964.628
8	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	Tv8	Gxd x	0,058%	230.292.667	23.029.000	253.321.667
9	Chi phí lập và đánh giá HSMT XL	Tv9	Gxd x	0,048%	190.356.785	19.036.000	209.392.785

TT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Diễn giải cách tính		Thành tiền (Đồng)		
					Trước thuế	Thuế VAT	Sau thuế
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Tv10	Gxd x	1,094%	4.362.826.687	436.283.000	4.799.109.687
11	Chi phí kiểm định công trình	Tv11	Tv9 x	35%	1.526.989.341	152.699.000	1.679.688.341
12	Chi phí lập và đánh giá HSMT TKBVTC	Tv12	Tv3+Tv4	0,485%	26.727.598	2.673.000	29.400.598
13	Chi phí lập và đánh giá HSMT giám sát	Tv13	Tv9 x	0,530%	23.116.427	2.312.000	25.428.427
14	Chi phí lập và đánh giá HSMT Kiểm toán	Tv14	K10 x 1,1	0,816%	9.336.614	934.000	10.270.614
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>Gk</b>	<b>K1+...+K11</b>		<b>4.598.253.000</b>	<b>405.749.000</b>	<b>5.004.002.000</b>
1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	K1	TMĐT x	0,01%	38.958.333		38.958.333
2	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	K2	Tạm tính 1ha*40tr		458.182.000	45.818.000	504.000.000
3	Chi phí bảo hiểm công trình cầu	K3	G1 x	0,650%	2.386.939.000	238.694.000	2.625.633.000
4	Chi phí bảo hiểm công trình đường	K4	G2 x	0,215%	68.181.000	6.818.000	74.999.000
5	Phí thẩm định HSMT và KQLCNT XL	K5	Gxd x	0,10%	100.000.000		100.000.000
6	Phí thẩm định HSMT và KQLCNT TKBVTC	K6	(Tv3+Tv4) x	0,1	5.509.000		5.509.000
7	Phí thẩm định HSMT và KQLCNT TV GS	K7	Tv9 x	0,1	4.363.000		4.363.000
8	Phí thẩm định HSMT và KQLCNT Kiểm toán	K8	K10 x	0,1	2.000.000		2.000.000
9	Phí thẩm định HSMT và KQLCNT bảo hiểm	K9	(K3+K4) x	0,1	2.455.000		2.455.000
10	Chi phí kiểm toán vốn	K10	(TDT-DP-ĐB*0,5) x	0,23%	1.144.192.836	114.419.000	1.258.611.836
11	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	K11	(TDT-DP-ĐB*0,5)*0,5 x	0,16%	387.473.113		387.473.113
<b>V</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>Gdp</b>	<b>DP1+DP2</b>		<b>30.068.077.000</b>	<b>2.963.405.000</b>	<b>33.031.482.000</b>
1	Dự phòng phát sinh khối lượng	DP1	(I+II+III+IV) x	5%	21.174.702.000	2.086.905.000	23.261.607.000
2	Dự phòng trượt giá	DP2	(I+II+III+IV) x	2,10%	8.893.375.000	876.500.000	9.769.875.000
<b>VI</b>	<b>Chi phí giải phóng mặt bằng</b>	<b>Gmb</b>	<b>Gmb1</b>		<b>51.381.216.000</b>		<b>51.381.216.000</b>
1	Chi phí giải phóng mặt bằng	Gmb1	Tạm tính		51.381.216.000		51.381.216.000
<b>VII</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>TDT</b>	<b>(I+II+III+IV+V+VI)</b>		<b>505.000.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>550.000.000.000</b>

**BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**

Công trình: Cầu An Bình và đường nối từ ĐT609C đi QL.14B

Địa điểm: xã Đại Minh và Đại Quang, huyện Đại Lộc

Số TT	Nội dung	Đvị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Đất đai</b>		<b>41.500,0</b>		<b>14.550.000.000</b>
1	Đất ở nông thôn (đoạn Ngã 4 Đại Minh - ranh giới quán Thanh Long (cả 2 bên)) (xã Đại Minh)	m2	4.000,0	3.000.000	12.000.000.000
2	Đất ở nông thôn (đường bê tông >= 3m) (Đại Quang)	m2	2.500,0	600.000	1.500.000.000
3	Đất BHK (Đại Minh)	m2	11.000,0	30.000	330.000.000
4	Đất LUC (Đại Quang)	m2	24.000,0	30.000	720.000.000
<b>II</b>	<b>Cây cối hoa màu</b>				<b>210.000.000</b>
1	Lúa 2 vụ	m2	24.000	6.000	144.000.000
2	Đậu phụng	m2	11.000	6.000	66.000.000
<b>III</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>				<b>20.162.200.000</b>
1	Nhà trệt, móng đá, khung dầm giằng trụ, tường 110, kê cả mặt trước 220, mái ngói, nền gạch men, ô tơ cao 5m, hiên đúc	m2	1.400	3.392.000	4.748.800.000
2	Gác lững đúc BTCT:	m2	3.120	2.570.000	8.018.400.000
3	Hàng rào xây gạch, móng đá, tường xây 110, trụ BTCT+ trụ xây gạch, cao 1,5m	md	1.200	5.000.000	6.000.000.000
4	Chái tôn ,khung sắt, nền xi măng	m2	1.875	744.000	1.395.000.000
<b>IV</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>4.290.000.000</b>
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp do mất đất BHK	m2	11.000,0	90.000	990.000.000
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp do mất đất LUC	m2	24.000,0	90.000	2.160.000.000
3	Hỗ trợ ổn định đời sống ( tỷ lệ mất đất từ 30% đến 70%)	khâu/tháng	100,0	3.000.000	300.000.000
4	Hỗ trợ chính sách tái định cư (thuê nhà ở + ổn định đời sống +chi phí di chuyển+ thủ tục cần thiết nơi ở mới)	hộ	14,0	60.000.000	840.000.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>V</b>	<b>Tổng cộng chi phí bồi thường, hỗ trợ trực tiếp</b>				<b>39.212.200.000</b>
<b>VI</b>	<b>Chi phí khác</b>				<b>1.678.692.000</b>
1	Chi phí thực hiện công tác BTTH-GPMB (3,82%)			1.497.906.040	1.497.906.000
2	Chi phí thẩm định (0,27%)			105.872.940	105.873.000
3	Chi phí ban chỉ đạo (0,18%) (tỉnh +huyện)			70.581.960	70.582.000
4	Chi phí của xã (0,23%)			4.330.900	4.331.000
<b>VII</b>	<b>Chi phí dự phòng (10%)</b>			3.921.220.000	<b>3.921.220.000</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi phí quyết toán (0,38% *70%)</b>			104.304.452	<b>104.304.000</b>
<b>IX</b>	<b>Chi phí đo đạc</b>			<b>250.000.000</b>	<b>250.000.000</b>
<b>X</b>	<b>Chi phí di dời trụ điện trung thế - hạ thế</b>	<b>trụ</b>	<b>44</b>	<b>136.700.000</b>	<b>6.014.800.000</b>
<b>XI</b>	<b>Chi phí Giá đất cụ thể</b>			<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>
<b>XII</b>	<b>Tổng cộng giá trị (V+VI+VII+VIII+IX+X+XI)</b>				<b>51.381.216.000</b>